|  |  |
| --- | --- |
| *Tuần 12 năm học 2023-2024* |  *- Ngày soạn: 18/11/2023* *- Ngày dạy: (Chiếu ) 21/11/2023 lớp 9A1* |

**TIẾT 22**

**ĐỘT BIẾN CẤU TRÚC NHIỄM SẮC THỂ**

**I. MỤC TIÊU**

1- Kiến thức:

- HS trình bày được khái niệm và một số dạng đột biến cấu trúc NST

- Giải thích được nguyên nhân và nêu vai trò của đột biến cấu trúc NST với bản thân sinh

vật và con người

2- Kĩ năng:

- Quan sát và phân tích kênh hình

3- Thái độ:

- ý thức học tập sử dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật

**II. CHUẨN BỊ**

1. GV: Tranh các dạng đột biến NST, phiếu học tập, máy chiếu, giấy trong

2. HS: SGK, đọc trước bài, bảng nhóm, giấy trong

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC**

1. Ổn định tổ chức lớp (1')

2. Kiểm tra bài cũ (7')

GV: Thế nào là đột biến gen? các dạng đột biến gen?

HS1: trả lời

GV: Vai trò của đột biến gen?

HS2: Trả lời

3. Bài mới: (30')

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu về Đột biến cấu** | **1. Đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể là gì**? |
| **trúc nhiễm sắc thể** | (14’) |
| GV: yêu cầu HS quan sát H22 làm việc  | - Khái niệm: SGK |
| theo ∇ (SGK - T65) và phiếu học tập  | - Các dạng đột biến cấu trúc NST: |
| (STK SH9 - T79) | + Mất đoạn |
| HS: hoạt động nhóm báo cáo | + Lặp đoạn |
| GV: đáp án, kết luận kiến thức | + Đảo đoạn |
| GV: đột biến cấu trúc NST là gì? |  |
| - các dạng đột biến cấu trúc NST |  |
| HS: trả lời |  |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu về nguyên nhân** | **2. Nguyên nhân phát sinh và tính chất của** |
| **phát sinh và tính chất của đột biến cấu** | **đột biến cấu trúc NST** (15’) |
| **trúc NST** |  |
| GV: hướng dẫn nghiên cứu SGK | **a. Nguyên nhân:** |
| - có những nguyên nhân nào gây đột biến  | - Nó có thể xuất hiện trong điều kiện tự nhiên |
| cấu trúc NST? | hoặc do con người |
| HS: trả lời | - Nguyên nhân: do tác nhân vật lý, hoá học |
| GV: tổng kết lại | → phá vỡ cấu trúc NST |
| GV: hướng dẫn tìm hiểu ví dụ 1, 2 (SGK) | **b. Vai trò:** |
| - VD1, 2 là dạng đột biến nào? | - Đột biến cấu trúc NST thường có hại cho  |
| - VD nào có lợi VD nào có hại? | bản thân sinh vật  |
| HS: hoạt động nhóm báo cáo | (vì phá vỡ cấu trúc NST → thay đổi tổ hợp  |
| GV: tổng kết lại | gen → biến đổi kiểu gen → kiểu hình |
| GV: tính chất của đột biến cấu trúc NST? | - Một số đột biến có lợi: có ý nghĩa trong  |
| HS: trả lời | chọn giống và tiến hoá |
| GV: cho HS đọc kết luận của bài (SGK) | **3. Kết luận bài** (1’) |
| HS: đọc KL |  |

4. Củng cố (6')

GV: Cho HS nhắc lại nội dung chính của bài học

HS: Nhắc lại

5. Dặn dò (1')

Học bài, trả lời các câu hỏi SGK

Đọc trước bài mới

|  |  |
| --- | --- |
| *Tuần 12 năm học 2023-2024* |  *- Ngày soạn: 18/11/2023* *- Ngày dạy: 24/11/2023 lớp 9A1* |

**TIẾT 22**

**ĐỘT BIẾN SỐ LƯỢNG NHIỄM SẮC THỂ**

**I. MỤC TIÊU**

1- Kiến thức:

- HS trình bày được các biến đổi số lượng thường thấy ở một cặp NST.

- Giải thích được cơ chế hình thành thể 3n, 1n.

- Nêu được hậu quả của biến đổi số lượng NST.

2- Kĩ năng:

- Quan sát, phân tích, so sánh.

3- Thái độ:

- GD quan điểm khoa học .

**II. CHUẨN BỊ**

1. GV: Tranh phóng to H23.1; H23.2 (SGK )

2. HS: SGK, đọc trước bài, bảng nhóm

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC**

1. Ổn định tổ chức lớp (1')

2. Kiểm tra bài cũ (4')

GV: Đột biến cấu trúc NST là gì ? mô tả các dạng đột biến cấu trúc NST?

HS1: Trả lời

GV: Nguyên nhân và vai trò của đột biến cấu trúc NST?

HS2: Trả lời

3. Bài mới: (34')

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu về hiện tượng** | **1. Hiện tượng dị bội thể** (10') |
| **dị bội thể** |  |
| GV: Nhắc lại kiến thức liên quan: | a) Khái niệm về đột biến số lượng NST: |
| - thế nào là NST tương đồng? | SGK |
| - thế nào là bộ NST lưỡng bội, đơn bội? |  |
| HS: trả lời |  |
| GV: thế nào là đột biến số lượng NST? |  |
| GV: yêu cầu nghiên cứu SGK + H23.1 | b) Dị bội thể: |
| - sự biến đổi số lượng ở 1 cặp NST thấy ở | - Khái niệm: dị bội thể là đột biến thêm  |
| những dạng nào? | hoặc mất một NST ở một cặp (hoặc tất cả |
| - thế nào là hiện tượng dị bội thể? | các cặp NST) trong bộ 2n  |
| HS: trả lời → KL kiến thức |  |
| GV: phân tích thêm các dạng: 2n-2, 2n+1 | - Các dạng: 2n + 1 |
| 2n -1 |  2n - 1 |
| GV: yêu cầu HS quan sát H23.1 làm việc |  |
| theo ∇ (SGK - T67) |  |
| HS: tự quan sát hình, đối chiếu kết quả từ |  |
| II → XII với I → rút ra nhận xét |  |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu về Sự phát sinh** | **2. Sự phát sinh thể dị bội** (7') |
| **thể dị bội** |  |
| GV: hướng dẫn HS quan sát H23.2, nhận  | - Cơ chế phát sinh thể dị bội: |
| xét theo ∇ (SGK - T68) | + Trong giảm phâncó 1 cặp NST tương đồng |
| - Sự phân ly NST trong sự hình thành giao | không phân ly bình thường → tao 1 giao tử  |
| tử ở trường hợp bình thường và bị rối loạn | 2 NST một giao tử không có NST nào |
| khi phân bào? | + Khi thụ tinh: |
| - Các giao tử đó khi tham gia thụ tinh sẽ  | 1 giao tử 2 NST tổ hợp với 1 giao tử 1 NST  |
| tạo các hợp tử có số lượng NST như thế | → tạo 1 hợp tử 3NST |
| nào? | 1 giao tử 0 NST + 1 giao tử 1 NST → tạo  |
| HS: hoạt động nhóm - báo cáo | 1 hợp tử 1 NST |
| GV: nhận xét bổ xung → KL |  |
| GV: treo tranh H23.2 gọi HS trình bày cơ | - Hậu quả: gây biến đổi hình thái ở thực vật |
| chế phát sinh các thể dị bội | hoặc gây bệnh NST  |
| HS: trình bày trên tranh H23.2 |  |
| GV: yêu cầu HS nghiên cứu 🞏 (SGK -67) |  |
| - hậu quả của hiện tượng dị bội thể ? |  |
| HS: trả lời |  |
| GV: cho HS đọc kết luận của bài (SGK) |  |
| HS: đọc KL |  |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu về hiên tượng** | **3. Hiện tượng đa bội thể** (8') |
| **đa bội thể** |  |
| GV: Thế nào là thể lưỡng bội? |  |
| - các cơ thể có bộ NST 3n, 4n, 5n, ... Có |  |
| chỉ số n khác thể lưỡng bội như thế nào? | - Đa bội thể là: ( SGK )  |
| - thể đa bội là gì? |  |
| HS: hoạt động nhóm báo cáo, chốt lại KT |  |
| GV: phân tích thêm: ảnh hưởng cường độ | - Đa bội thể sẽ tạo ra các thể đa bội |
| đồng hoá và kích thước tế bào |  |
| GV: yêu cầu quan sát H24.1 → H24.4 làm | - Dấu hiệu: Tăng kích thước các cơ quan  |
| theo ∇ (SGK - T70) qua phiếu học tập | (thông qua tăng số lượng NST) |
| HS: hoạt động nhóm báo cáo bổ xung |  |
| chốt lại kiến thức | - ứng dụng: |
| GV: từ kết quả trên hãy thực hiện lệnh  | + Tăng kích thước thân, cành → tăng sản  |
| ∇ (SGK - T70) | lượng gỗ  |
| HS: tự trả lời phát hiện dấu hiệu của đa  | + Tăng kích thước thân, lá, củ  |
| bội thể | → Tăng sản lượng rau màu |
| GV: ứng dụng đa bội thể trong thực tế  | + Tạo giống có năng xuất cao |
| HS: tự trả lời, lấy ví dụ |  |
| **Hoạt động 4: Tìm hiểu về sự hình thành** | **4. Sự hình thành đa bội thể** (9') |
| **đa bội thể** |  |
| GV: nhắc lại kết quả của nguyên phân ,  | - Cơ chế: do rối loạn nguyên phân hoặc giảm  |
| giảm phân ? | phân → không phân ly bình thường tất cả các  |
| GV: hướng dẫn HS quan sát H24.5 | cặp NST⇒ tạo thể đa bội |
| - so sánh giao tử, hợp tử ở hai sơ đồ 24.5a |  |
| và 24.5b? |  |
| - trong 2 trường hợp trên đâu là sự hình  |  |
| thành đa bội thể do nguyên phân, giảm  |  |
| phân? |  |
| HS: - đa bội thể do giảm phân (nguyên  |  |
| phân bình thường) |  |
| - đa bội thể do rối loạn nguyên phân |  |
| GV: chốt lại kiến thức |  |
| GV: cho HS đọc kết luận của bài (SGK) | **3. Kết luận bài** (1') |
| HS: đọc KL |  |

4. Củng cố (5')

GV: Hệ thống lại kiến thức của bài

GV: Cho HS trả lời câu hỏi 2, 3 (SGK)

HS: Trả lời câu hỏi

5. Dặn dò (1')

Học bài, trả lời các câu hỏi SGk

|  |  |
| --- | --- |
| *Vũ Xá, ngày ...... tháng 11 năm 2023***TỔ TRƯỞNG TỔ CHUYÊN MÔN***(Kí ghi rõ họ tên)* | **GIÁO VIÊN***(Kí, ghi rõ họ tên)* *IMG20231029111922-removebg-preview* **Phạm Thị Thanh Hiền** |